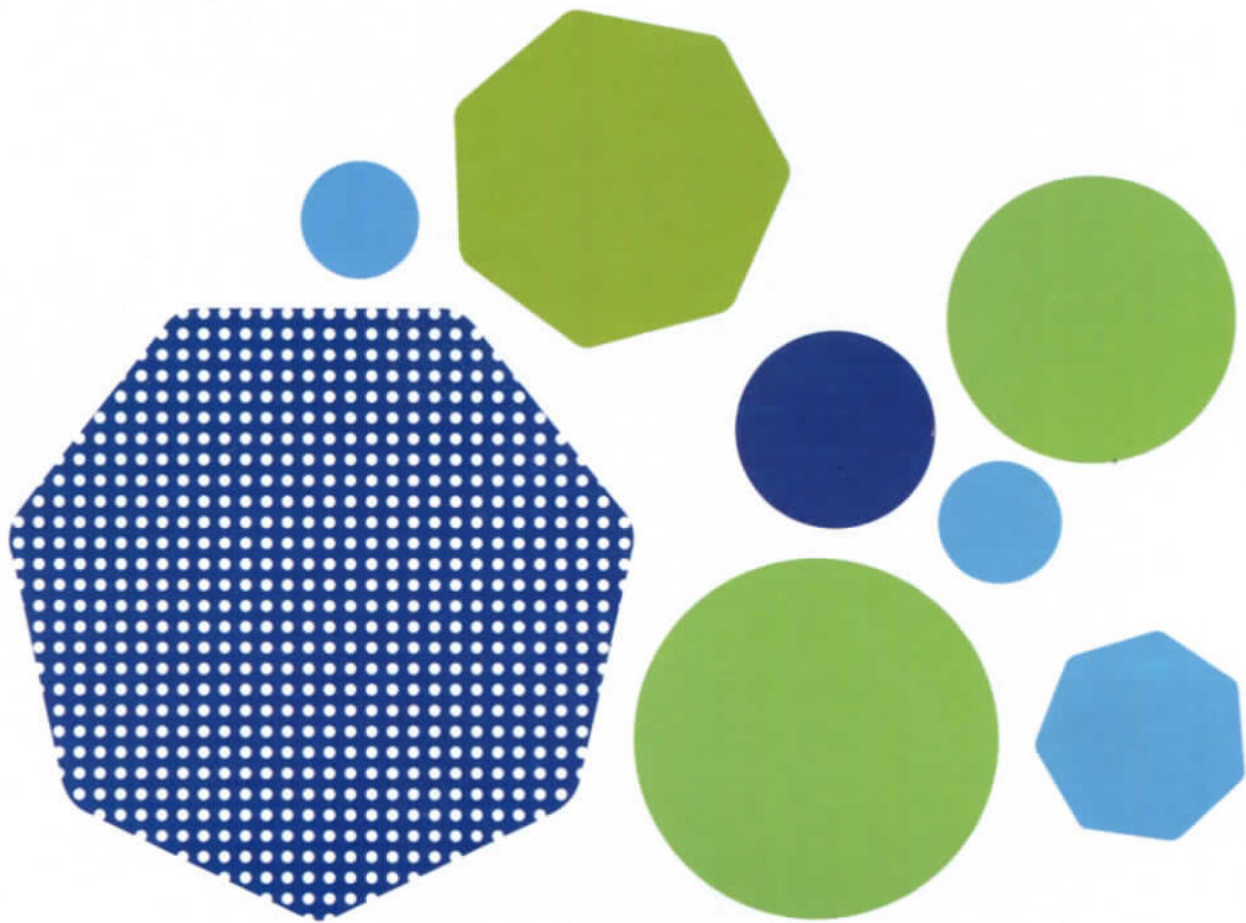


CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hải Vĩnh	Chủ tịch	
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 20/04/2024)
Ông Văn Viết Tuấn	Thành viên	
Ông Đào Trung Thanh	Thành viên	
Ông Giáp Minh Trung	Thành viên	
Ông Trần Đình Khôi	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 20/04/2024)
Ông Võ Sang Bành	Phụ trách quản trị	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Văn Viết Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đào Trung Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Lan	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Hạnh	Thành viên
Ông Vũ Văn Tuấn	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Trương Thị Thùy Linh

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Văn Việt Tuấn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Số: 137/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 40, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.192.419.336	96.805.292.778
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	9.453.166.163	1.684.121.179
Tiền	111		2.453.166.163	1.684.121.179
Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	65.000.000.000	55.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		65.000.000.000	55.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.997.290.389	17.625.940.403
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	22.693.667.335	18.500.618.625
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.558.006.566	1.711.227.493
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.244.390.821	5.312.868.618
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137		(8.498.774.333)	(7.898.774.333)
Hàng tồn kho	140	9	13.332.614.413	19.554.283.809
Hàng tồn kho	141		15.333.350.284	20.555.019.680
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.000.735.871)	(1.000.735.871)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.409.348.371	2.940.947.387
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	4.409.348.371	2.841.690.031
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	-	99.257.356
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		115.008.095.336	119.674.327.244
Các khoản phải thu dài hạn	210		18.215.447.540	18.215.447.540
Trả trước cho người bán dài hạn	212		18.215.447.540	18.215.447.540
Tài sản cố định	220		62.700.445.235	67.472.434.904
Tài sản cố định hữu hình	221	10	45.824.323.333	50.068.587.566
- Nguyên giá	222		130.856.326.910	130.165.861.738
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.032.003.577)	(80.097.274.172)
Tài sản cố định vô hình	227	11	16.876.121.902	17.403.847.338
- Nguyên giá	228		26.724.994.698	26.624.994.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.848.872.796)	(9.221.147.360)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	9.330.512.273	9.444.148.637
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.330.512.273	9.444.148.637
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	23.073.655.112	23.068.377.637
Đầu tư vào công ty con	251		9.710.300.000	9.710.300.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		17.500.000.000	17.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.136.644.888)	(4.141.922.363)
Tài sản dài hạn khác	260		1.688.035.176	1.473.918.526
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	795.587.672	693.026.960
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		892.447.504	780.891.566
TỔNG TÀI SẢN	270		225.200.514.672	216.479.620.022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		45.115.996.038	36.868.653.443
Nợ ngắn hạn	310		22.220.842.042	14.572.032.526
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	225.296.008	478.114.775
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	9.239.464	1.251.353.944
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.668.665.740	582.974.305
Phải trả người lao động	314		4.901.028.000	4.531.715.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	2.383.073.723	2.784.452.283
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		261.600.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	9.909.744.015	3.512.884.035
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	2.854.779.000	1.260.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.416.092	170.538.184
Nợ dài hạn	330		22.895.153.996	22.296.620.917
Chi phí phải trả dài hạn	333	16	12.962.237.505	12.054.457.820
Phải trả dài hạn khác	337	17	9.932.916.491	10.242.163.097
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		180.084.518.634	179.610.966.579
Vốn chủ sở hữu	410	19	180.084.518.634	179.610.966.579
Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.820.500.000	119.820.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		119.820.500.000	119.820.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		69.306.398.800	69.306.398.800
Cổ phiếu quỹ	415		(22.877.138.591)	(22.877.138.591)
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.335.740.792	7.335.740.792
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.499.017.633	6.025.465.578
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		303.657.578	473.639.670
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.195.360.055	5.551.825.908
TỔNG NGUỒN VỐN	440		225.200.514.672	216.479.620.022



Văn Việt Tuấn
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Trương Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Hà Ngọc Yến
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	102.110.712.598	93.213.601.235
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	58.962.384	284.616.684
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		102.051.750.214	92.928.984.551
Giá vốn hàng bán	11	22	43.762.861.761	26.498.247.608
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.288.888.453	66.430.736.943
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	3.000.328.639	4.599.294.272
Chi phí tài chính	22	24	54.966.241	(12.860.104)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		60.243.716	151.236.415
Chi phí bán hàng	25	25	31.122.825.101	43.051.452.154
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	15.562.360.851	14.477.069.969
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.549.064.899	13.514.369.196
Thu nhập khác	31		271.496.997	394.898.104
Chi phí khác	32		284.960.554	197.927.687
Lợi nhuận khác	40		(13.463.557)	196.970.417
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.535.601.342	13.711.339.613
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	3.049.537.225	2.868.809.643
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	(111.555.938)	(111.555.938)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.597.620.055	10.954.085.908



Văn Viết Tuấn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Trương Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Hà Ngọc Yến
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		106.115.013.836	104.278.714.594
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(35.764.498.148)	(31.274.924.163)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(17.830.182.000)	(16.514.699.000)
Tiền lãi vay đã trả	4		(51.643.716)	(293.287.200)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(1.997.838.566)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		4.037.589.935	2.415.104.589
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(38.826.204.021)	(35.755.471.316)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.682.237.320	22.855.437.504
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(820.465.172)	(79.200.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(103.500.000.000)	(62.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		93.500.000.000	52.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(17.500.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.639.973.836	14.426.419.589
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.180.491.336)	(12.652.780.411)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		12.021.557.934	13.867.372.153
Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.426.778.934)	(20.607.372.153)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.327.480.000)	(5.947.345.480)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.732.701.000)	(12.687.345.480)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.769.044.984	(2.484.688.387)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	1.684.121.179	4.168.809.566
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	9.453.166.163	1.684.121.179



Văn Việt Tuấn
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Trương Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Hà Ngọc Yến
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300391837 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2004, thay đổi lần thứ 12 ngày 08/07/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 120.000.000.000 VND (Một trăm hai mươi tỷ đồng).

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024: 119.820.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 248A Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Nhân viên công ty tại ngày 31/12/2024 là 97 người (tại ngày 01/01/2024 là 98 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Sản xuất, lắp ráp, bảo hành và kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử và tin học (không tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện);
- Kinh doanh bất động sản, văn phòng cho thuê;
- Sản xuất, lắp ráp, bảo trì và mua bán các sản phẩm điện lạnh – điện gia dụng.
- Nhóm sản phẩm chính của Công ty gồm có:
 - (1) Nhóm sản phẩm AV: gồm có Tivi, Tivi LCD, Tivi độ phân giải cao, Đầu DVD - VCD, âm ly Karaoke.
 - (2) Nhóm sản phẩm công nghệ thông tin: Máy vi tính;
 - (3) Nhóm sản phẩm điện lạnh: tủ lạnh, máy giặt.
 - (4) Khẩu trang y tế

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
		01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024
Công ty con					
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	248A Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	51,0%	51,0%	51,0%	51,0%
Công ty Cổ phần Vitek – VTB Hà Nội	P.601. số 18 Phố Ngụy Như Kon Tum, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội	81,86%	81,86%	81,86%	81,86%
Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	248A Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	70,0%	70,0%	70,0%	70,0%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

Công ty đang thực hiện đầu tư tại Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc. Tổng số vốn điều lệ Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình đã góp là 17.500.000.000 đồng, chiếm 43,75% tỷ lệ quyền biểu quyết.

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc được đặt tại: Lô 07-02 KCN Bình Xuyên 2, Thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 2500700074 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 04 năm 2023, thay đổi lần thứ 1 ngày 17 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc là 40.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Viettronics Tân Bình - Nhà máy sản xuất, lắp ráp tivi màu	6 Phạm Văn Hai, Q. Tân Bình, TP. HCM
Chi nhánh Công ty CP Viettronics Tân Bình - Nhà máy sản xuất, lắp ráp các sản phẩm điện tử, điện lạnh, điện dân dụng	B58/II-B59/II Đường 2E, KCN Vĩnh Lộc, H. Bình Chánh, TP. HCM
Chi nhánh Công ty Cổ phần CP Viettronics Tân Bình tại Hà Nội	P.501 số 18 phố Ngụy Như Kom Tum, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần CP Viettronics Tân Bình – Nhà máy sản xuất lắp ráp điện tử, điện dân dụng và tin học Cát Lái	Lô B5, Đường D1, KCN Cát Lái 2, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. HCM

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.4 NGOẠI TỆ (TIẾP)

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày mua có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.6 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá mua của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- a. Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- b. Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- c. Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty con;
- d. Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- e. Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) và dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; dự phòng cũng được trích lập đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Dự phòng được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.8 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

3.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính, quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Các chi phí sửa chữa lớn được phân bổ không quá 03 năm kể từ thời điểm phát sinh chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

3.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi danh sách cổ đông nhận cổ tức được phê duyệt và được UBCK chấp thuận.

3.17 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT):

Doanh thu bán khâu trang y tế chịu thuế suất 5%.

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	3.289.087	58.762.391
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.449.877.076	1.625.358.788
- Các khoản tương đương tiền (*)	7.000.000.000	-
Cộng	9.453.166.163	1.684.121.179

(*) Các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi dưới 3 tháng

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.409.348.371	2.841.690.031
- Chi phí sửa chữa văn phòng	1.925.959.018	449.904.333
- Các khoản khác	2.483.389.353	2.391.785.698
b) Dài hạn	795.587.672	693.026.960
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	33.126.288	121.818.120
- Các khoản khác	762.461.384	571.208.840
Cộng	5.204.936.043	3.534.716.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định (*)	65.000.000.000	65.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Cộng	65.000.000.000	65.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000

Số dư tại ngày 31/12/2024 là các khoản tiền gửi với thời hạn từ 6 - 12 tháng, lãi suất từ 4,1% – 4,6%/năm.

6.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào công ty con	9.710.300.000	(4.136.644.888)	9.710.300.000	(4.141.922.363)
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB (1)	3.150.300.000	(1.076.644.888)	3.150.300.000	(1.081.922.363)
+ Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội (2)	3.060.000.000	(3.060.000.000)	3.060.000.000	(3.060.000.000)
+ Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB (3)	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	17.500.000.000	-	17.500.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc (4)	17.500.000.000	-	17.500.000.000	-
Cộng	27.210.300.000	(4.136.644.888)	27.210.300.000	(4.141.922.363)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

- (1) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB số tiền 3.150.300.000 đồng (Ba tỷ một trăm năm mươi triệu ba trăm nghìn đồng) tương đương 51% tỷ lệ sở hữu - vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308954094 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 28 tháng 07 năm 2023 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty là Sản xuất phần mềm; Lập trình máy vi tính; Xử lý dữ liệu máy vi tính; Sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị truyền thông, sản phẩm điện tử dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Hoạt động của các điểm truy cập internet (không hoạt động tại trụ sở); Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet; Đào tạo nghề; Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy vi tính.
- (2) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vitek – VTB Hà Nội số tiền 3.060.000.000 đồng (Ba tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng) tương đương 81,86% tỷ lệ sở hữu - vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105512799 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10/05/2024 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty là Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu; Sản xuất máy điều hòa nhiệt độ.
- (3) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB số tiền 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) tương đương 70% tỷ lệ sở hữu - vốn điều lệ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311692843 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 04 năm 2012, thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 11 năm 2024 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty là Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; Sản xuất thiết bị truyền thông, sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sản xuất dây, cáp và điện tử khác.
- (4) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 tổng số vốn Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình đã góp là 17.500.000.000 đồng, tương đương 43,75% tỷ lệ sở hữu. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500700074 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 04 năm 2023, đăng ký thay đổi lần thứ 1 tại ngày 17 tháng 1 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc là sản xuất gia công linh kiện điện tử, thiết bị y tế gia đình, kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà xưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	22.693.667.335	(8.462.102.807)	18.500.618.625	(7.862.102.807)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	7.742.009.224	-	4.941.858.437	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm PHARMACITY	2.234.691.015	-	2.596.508.680	-
- Công ty Cổ phần Vitek -VTB Hà Nội	8.927.262.165	(8.309.349.351)	8.889.926.135	(7.709.349.351)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.789.704.931	(152.753.456)	2.072.325.373	(152.753.456)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	22.693.667.335	(8.462.102.807)	18.500.618.625	(7.862.102.807)

c) Chi tiết thuyết minh Bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 30.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	2.244.390.821	(36.671.526)	5.312.868.618	(36.671.526)
- Tạm ứng	929.104.000	-	2.153.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	15.426.464	-	28.926.464	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.258.450.686	-	2.977.884.932	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	41.409.671	(36.671.526)	153.057.222	(36.671.526)
+ Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	4.738.145	-	116.287.000	-
+ Phải thu đối tượng khác	36.671.526	(36.671.526)	36.770.222	(36.671.526)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.244.390.821	(36.671.526)	5.312.868.618	(36.671.526)

c) Chi tiết thuyết minh Bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 30.1

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.013.457.755	(718.312.791)	4.374.752.788	(202.306.400)
Thành phẩm	8.617.161.783	(617.180.424)	13.470.481.734	(443.238.528)
Hàng hóa	2.702.730.746	(665.242.656)	2.709.785.158	(355.190.943)
Cộng	15.333.350.284	(2.000.735.871)	20.555.019.680	(1.000.735.871)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2024	88.013.910.802	38.113.427.134	4.038.523.802	130.165.861.738
- Mua trong năm	-	720.465.172	-	720.465.172
- Hủy TSCĐ	-	(30.000.000)	-	(30.000.000)
31/12/2024	88.013.910.802	38.803.892.306	4.038.523.802	130.856.326.910
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2024	(45.519.213.353)	(31.161.730.745)	(3.416.330.074)	(80.097.274.172)
- Khấu hao trong năm	(2.902.035.328)	(1.871.661.795)	(191.032.282)	(4.964.729.405)
- Hủy TSCĐ	-	30.000.000	-	30.000.000
31/12/2024	(48.421.248.681)	(33.003.392.540)	(3.607.362.356)	(85.032.003.577)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2024	42.494.697.449	6.951.696.389	622.193.728	50.068.587.566
31/12/2024	39.592.662.121	5.800.499.766	431.161.446	45.824.323.333

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 50.202.042.139 đồng. (Tại ngày 01/01/2024 là: 48.678.898.310 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2024	26.132.193.780	492.800.918	26.624.994.698
- Mua trong năm	-	100.000.000	100.000.000
31/12/2024	<u>26.132.193.780</u>	<u>592.800.918</u>	<u>26.724.994.698</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2024	(8.728.346.442)	(492.800.918)	(9.221.147.360)
- Khấu hao trong năm	(607.725.432)	(20.000.004)	(627.725.436)
31/12/2024	<u>(9.336.071.874)</u>	<u>(512.800.922)</u>	<u>(9.848.872.796)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2024	<u>17.403.847.338</u>	-	<u>17.403.847.338</u>
31/12/2024	<u>16.796.121.906</u>	<u>79.999.996</u>	<u>16.876.121.902</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại 31/12/2024 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 492.800.918 đồng. (Tại ngày 01/01/2024 là: 492.800.918 đồng)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	<u>9.330.512.273</u>	<u>9.444.148.637</u>
- Công trình VTB Green Building tại 06 Phạm Văn Hai, Quận Tân Bình (*)	9.330.512.273	9.444.148.637
Cộng	<u>9.330.512.273</u>	<u>9.444.148.637</u>

(*) Tính đến thời điểm 31/12/2024, công trình VTB Green Building tại 06 Phạm Văn Hai, quận Tân Bình đang trong thời gian giải quyết các vấn đề pháp lý, Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện công trình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	225.296.008	225.296.008	478.114.775	478.114.775
- Công ty TNHH TM - DV - XD B&H	-	-	175.000.000	175.000.000
- Công ty CP Sợi An Việt	54.289.224	54.289.224	163.052.028	163.052.028
- Công ty TNHH Nissin Logistics	49.210.070	49.210.070	-	-
- Các nhà cung cấp khác	121.796.714	121.796.714	140.062.747	140.062.747
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	225.296.008	225.296.008	478.114.775	478.114.775

c) Chi tiết thuyết minh Bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 30.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	570.829.945	4.220.056.066	4.091.229.494	699.656.517
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	986.087.087	986.087.087	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	98.543.797	98.543.797	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.950.279.869	1.997.838.566	952.441.303
- Thuế thu nhập cá nhân	12.144.360	246.565.173	242.141.613	16.567.920
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	19.925.900.308	19.925.900.308	-
- Các loại thuế khác	-	168.254.644	168.254.644	-
Cộng	582.974.305	28.595.686.944	27.509.995.509	1.668.665.740
	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.257.356	99.257.356	-	-
Cộng	99.257.356	99.257.356	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	9.239.464	1.251.353.944
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông Tin VTB	-	1.242.000.000
- Các khoản Khách hàng trả tiền trước khác	9.239.464	9.353.944
b) Dài hạn	-	-
	9.239.464	1.251.353.944

c) Chi tiết thuyết minh Bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 30.1

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.383.073.723	2.784.452.283
- Chi phí hỗ trợ quảng cáo nhà phân phối khu vực phía Nam	291.920.064	213.590.038
- Trích trước chi phí bảo vệ	185.625.000	185.625.000
- Trích trước tiền thuê đất	-	1.229.570.936
- Chi phí phải trả khác	1.905.528.659	1.155.666.309
b) Dài hạn	12.962.237.505	12.054.457.820
- Trích chi phí thuê đất KCN Cát Lái	4.462.237.505	3.904.457.820
- Các khoản khác	8.500.000.000	8.150.000.000
Cộng	15.345.311.228	14.838.910.103

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	9.909.744.015	3.512.884.035
- Kinh phí công đoàn	47.891.560	47.353.320
- Bảo hiểm xã hội	13.424.895	5.072.755
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.848.427.560	3.460.457.960
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.834.038.700	3.446.069.100
+ Phải trả khác	14.388.860	14.388.860
b) Dài hạn	9.932.916.491	10.242.163.097
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.932.916.491	10.242.163.097
Cộng	19.842.660.506	13.755.047.132

c) Chi tiết thuyết minh Bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 30.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	2.854.779.000	2.854.779.000	12.021.557.934	10.426.778.934	1.260.000.000	1.260.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Định (*)	2.854.779.000	2.854.779.000	12.021.557.934	10.426.778.934	1.260.000.000	1.260.000.000
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	2.854.779.000	2.854.779.000	12.021.557.934	10.426.778.934	1.260.000.000	1.260.000.000

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0258/KHDN/24/HMCV ngày 24 tháng 05 năm 2024 với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND;
- Thời hạn của hạn mức tín dụng: 12 tháng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn ngắn hạn thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay: Tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: Theo lãi suất trên từng Giấy nhận nợ;
- Biện pháp bảo đảm: Theo các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm quy định tại Hợp đồng Cấp tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.877.138.591)	7.335.740.792	5.114.995.670	178.700.496.671
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	10.954.085.908	10.954.085.908
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(10.043.616.000)	(10.043.616.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1)	-	-	-	-	(1.250.000.000)	(1.250.000.000)
+ Chia cổ tức (1)	-	-	-	-	(8.643.616.000)	(8.643.616.000)
+ Thưởng cho HĐQT và Ban Kiểm soát (2)	-	-	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
31/12/2023	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.877.138.591)	7.335.740.792	6.025.465.578	179.610.966.579
01/01/2024	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.877.138.591)	7.335.740.792	6.025.465.578	179.610.966.579
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	11.597.620.055	11.597.620.055
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(11.124.068.000)	(11.124.068.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (3)	-	-	-	-	(1.250.000.000)	(1.250.000.000)
+ Chia cổ tức (3)	-	-	-	-	(9.724.068.000)	(9.724.068.000)
+ Thưởng cho HĐQT và Ban Kiểm soát (4)	-	-	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
31/12/2024	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.877.138.591)	7.335.740.792	6.499.017.633	180.084.518.634

- (1) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 21/2023/NQ-VTB-HĐQT ngày 15/04/2023 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 40/2023/NQ-VTB-HĐQT ngày 19/09/2023.
- (2) Chi thưởng theo NQ số: 21/2023-NQ-VTB-DHĐCĐ ngày 15/04/2023 và QĐ số: 13/2023/QĐ-VTB-HĐQT ngày 21/04/2023.
- (3) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 28/2024/NQ-VTB-HĐQT ngày 20/04/2024.
- (4) Chi thưởng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2024 kèm Quyết định số: 03/2024/QĐ-VTB-HĐQT ngày 02/05/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	66.549.600.000	66.549.600.000
- Vốn góp của các nhà đầu tư khác	53.270.900.000	53.270.900.000
Cộng	119.820.500.000	119.820.500.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI, CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	119.820.500.000	119.820.500.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	119.820.500.000	119.820.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.724.068.000	8.643.616.000

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.982.050	11.982.050
+ Cổ phiếu phổ thông	11.982.050	11.982.050
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.177.530	1.177.530
+ Cổ phiếu phổ thông	1.177.530	1.177.530
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.804.520	10.804.520
+ Cổ phiếu phổ thông	10.804.520	10.804.520
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

19.5 CÁC QUỸ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.335.740.792	7.335.740.792

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Doanh thu	102.110.712.598	93.213.601.235
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.110.712.598	93.213.601.235
Cộng	102.110.712.598	93.213.601.235

b) Chi tiết thuyết minh Bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 30.1

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chiết khấu thương mại	58.962.384	27.826.176
- Hàng bán bị trả lại	-	256.790.508
Cộng	58.962.384	284.616.684

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn hàng hóa và dịch vụ đã bán	43.762.861.761	26.498.247.608
Cộng	43.762.861.761	26.498.247.608

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.920.539.590	4.532.225.069
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	79.789.049	67.069.203
Cộng	3.000.328.639	4.599.294.272

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	60.243.716	151.236.415
- Lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm	-	293.000
- Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(5.277.475)	(164.389.519)
Cộng	54.966.241	(12.860.104)

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	15.562.360.851	14.477.069.969
- Chi phí nhân viên quản lý	9.737.561.040	9.165.071.962
- Chi phí vật liệu quản lý	326.845.678	251.217.416
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	192.038.219	288.644.533
- Chi phí dự phòng	600.000.000	621.184.787
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	648.124.959	622.622.249
- Chi phí bằng tiền khác	4.057.790.955	3.528.329.022
b) Các khoản chi phí bán hàng	31.122.825.101	43.051.452.154
- Chi phí nhân viên	7.524.876.615	7.047.568.939
- Chi phí vật liệu, bao bì	92.852.858	118.594.644
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.511.878.148	5.531.274.712
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.563.605.596	3.619.312.074
- Chi phí bằng tiền khác	15.429.611.884	26.734.701.785
Cộng	46.685.185.952	57.528.522.123

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	12.884.414.193	11.187.584.401
- Chi phí nhân công	22.253.474.475	21.196.178.841
- Khấu hao tài sản cố định	5.705.433.037	5.822.252.584
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.512.668.049	4.521.630.790
- Chi phí bằng tiền khác	19.487.402.839	32.011.120.396
Cộng	63.843.392.593	74.738.767.012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.535.601.342	13.711.339.613
Các khoản chi phí không được khấu trừ	712.084.784	632.708.602
- Chi phí tiền thuê đất Cát Lái chưa đủ hồ sơ	557.779.708	557.779.680
- Chi phí không hợp lý khác	154.305.076	74.928.922
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	15.247.686.126	14.344.048.215
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	3.049.537.225	2.868.809.643
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.049.537.225	2.868.809.643

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(111.555.938)	(111.555.938)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(111.555.938)	(111.555.938)

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lợi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lợi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng năm 2024.

30. THÔNG TIN KHÁC

30.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là các nhân sự quản lý chủ chốt và Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam- Công ty mẹ cùng các công ty con cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	Công ty con
- Công ty Cổ phần Vitek – VTB Hà Nội	Công ty con
- Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	Công ty con
- Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	Công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

Thù lao của Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1	Ông Vũ Hải Vĩnh	Chủ tịch HĐQT	48.000.000	48.000.000
2	Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Thành viên đến ngày 20/04/2024	12.000.000	36.000.000
3	Ông Văn Viết Tuấn	Thành viên	36.000.000	36.000.000
4	Ông Đào Trung Thanh	Thành viên	36.000.000	36.000.000
5	Ông Giáp Minh Trung	Thành viên	36.000.000	36.000.000
6	Ông Trần Đình Khôi	Thành viên từ ngày 20/04/2024	24.000.000	-
Tổng cộng			192.000.000	192.000.000

Thù lao và tiền lương của Ban Kiểm soát

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thù lao và tiền lương của Ban Kiểm soát	282.874.000	259.889.000
Tổng cộng	282.874.000	259.889.000

Tiền lương của Tổng Giám đốc

STT	Họ tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1	Ông Văn Viết Tuấn	Tổng Giám đốc	308.340.000	300.770.000
Tổng cộng			308.340.000	300.770.000

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam		
Phải trả khác	5.989.464.000	3.327.480.000
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin VTB		
Phải thu khách hàng	7.742.009.224	4.941.858.437
Người mua trả tiền trước	-	1.242.000.000
Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội		
Phải thu khách hàng	8.927.262.165	8.889.926.134
Công ty Cổ phần thương mại JS VTB		
Phải thu khách hàng	241.632.630	292.930.295
Phải thu khác	4.738.145	116.287.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***30. THÔNG TIN KHÁC****30.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam		
- Cổ tức đã chia	5.989.464.000	5.323.968.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.399.655.913	8.540.798.279
- Hàng bán bị trả lại	-	22.311.622
- Hỗ trợ lãi quá hạn và kinh doanh khác	340.908.822	238.834.564
- Phạt lãi nợ quá hạn	175.987.569	302.346.428
- Mua hàng	139.000.000	583.291.050
Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội		
- Bán hàng	133.441.845	2.857.200
- Mua hàng	-	9.263.000
- Hàng bán bị trả lại	-	234.478.886
Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	648.968.703	366.676.449
- Thu nhập khác	23.811.812	28.000.000

30.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh**

Hiện tại, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào một nhóm sản phẩm điện máy dân dụng, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

30.3 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

30.4 CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty đang thực hiện mua một khu đất tại KCN Cát Lái theo Hợp đồng nguyên tắc số 08/HĐNT-PTN-KCN ngày 13/10/2005 giữa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2 – KCN Cát Lái và Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình. Hai bên đã tiến hành lập biên bản giao mốc số 01/BBGM/KCN ngày 15/01/2010. Cho đến thời điểm 31/12/2024 Công ty đã thanh toán số tiền là 18.215.447.540 đồng trên tổng giá trị thanh toán là 1.228.800 USD (theo Hợp đồng nguyên tắc). Tuy nhiên, hai bên vẫn chưa làm hợp đồng thuê đất chính thức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.5 SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình đã được kiểm toán.



Van Viet Tuan
Vân Việt Tuấn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Truong Thi Thuy Linh
Trương Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Hà Ngọc Yến
Hà Ngọc Yến
Người lập

**CÔNG TY CỔ
PHẦN
VIETTRONICS
TÂN BÌNH**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
VIETTRONICS TÂN BÌNH
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
VIETTRONICS TÂN BÌNH,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0300391837
, E=NGUYENTHIHONGPHUE@VTB.COM.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.03.05 13:45:43+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.0.1



